

## ĐOẠN LÝ LUẬN VĂN HỌC THEO CHỦ ĐỀ THƯỜNG GẶP (TÓM TẮT KIẾN THỨC LLVH)

Vì tính chất cấp tốc của lớp Chuyên Văn năm nay, dưới đây là các đoạn LLVH các em có thể tự áp dụng linh hoạt cho các đề NLVH, các vấn đề LLVH thường gặp.

**Lưu ý:** Đây là tài liệu được biên soạn độc quyền, vui lòng không trao đổi, mua bán dưới mọi hình thức!

---

### 1. Mối quan hệ giữa văn học và hiện thực

Từ ngàn đời nay, văn chương vẫn chuyên chở cuộc đời, lấy cuộc đời làm gốc rễ để rồi nảy nở, sinh sôi. Bởi thế, tác phẩm nghệ thuật sẽ là gì nếu nó không bám riết lấy hiện thực, nếu nó không phải là tiếng nói vang vọng từ nhiều lẽ đời? Mỗi tác phẩm văn học luôn phải mang lòng gió thời đại mà nó ra đời phải là ô cửa mở ra bức tranh toàn diện và vẹn tròn của một thời, một đời. Đặc biệt, con người là trung tâm phản ánh muôn đời của văn chương, “Từ bao giờ đến bây giờ, từ Homero đến kinh thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế” (Hoài Thanh). Đối với mỗi nhà văn, ôm ấp và nuôi dưỡng bao xúc cảm của con người nảy sinh từ thực tại, những yêu thương và căm thù, những vui mừng và hờn giận, những hi vọng trào dâng hay nỗi tuyệt vọng đến cùng cực luôn phải là ưu tiên đặt lên hàng đầu. Đó là câu chuyện của một ngòi bút, một cá tính, một tâm hồn hướng về văn chương chân chính, đặc trưng, nhiệm vụ của văn chương muôn đời.

**Mở rộng: Vấn đề Văn học - Thời đại:** Tô Hoài quan niệm: “*Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời*”. Nguyễn Minh Châu lại bộc bạch: “*Nhà văn phải là một thứ côn trùng lấy cái râu mà thăm dò không khí thời đại*”. Văn học là bức tranh phản ánh hiện thực đời sống tại từng giai kỳ xã hội, nó trung thành và cần mẫn ghi lại hành trình sống và trưởng thành của con người. Đó là sứ mệnh muôn đời của nghệ thuật - tấm gương phản ánh trung thực hiện thực khách quan.

### 2. Chức năng của văn học

#### ● Chức năng nhận thức

- Nhận thức là biết thêm tri thức về cuộc sống và con người, là nhu cầu cơ bản của con người. Với bản chất là một hình thái ý thức xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng, văn học nghệ thuật dung nạp giá trị nhận thức như yếu tố thứ nhất của nó. Thật vậy, văn học là cuốn bách khoa toàn thư của đời sống, cho con người những thức nhận mới về cuộc đời, về những giá trị hữu hình hay thuộc về cõi tinh thần của đời sống, để rồi mỗi lần người ta đến với văn học là một lần khai mở tâm hồn để nhường nào. Phạm Văn Đồng từng quan niệm: “*Văn học là công cụ để hiểu biết, khám phá và sáng tạo thực tại xã hội*” cũng vì thế.
- Hơn nữa, văn chương nghệ thuật không chỉ là sự nhận thức thế giới và con người khách quan, mà còn là khả năng **biến nhận thức thành tự nhận thức**, hướng vào nội tâm sâu kín của mỗi con người. Khi ấy, văn học chẳng phải đã

giúp cho con người giác ngộ, soi sáng và trải nghiệm, văn học đã đi đến tận cùng giá trị của nó!

- **Chức năng giáo dục**

Khi xưa Nguyễn Trãi viết những bài “Bảo kính cảnh giới” như sự tự nhìn nhận, soi xét những giá trị đạo đức, hướng tới con đường toàn thiện:

“Văn chương chép lấy đời câu thánh

Sự nghiệp tua gìn phải đạo trung”

Quan niệm ấy phải chăng cũng là kim chỉ nam cho văn chương nghệ thuật chân chính muôn đời - thực hiện chức năng giáo dục. Văn học hướng vào việc giáo dục đạo đức, phẩm chất con người, hướng tới cái tốt, cái đẹp, tránh xa cái xấu, cái ác, để rồi từ đó văn chương thanh lọc tâm hồn con người. Nhà văn chân chính ý thức sâu sắc sứ mệnh muôn đời ấy của văn chương, anh phải là “nhà nhân đạo từ trong cốt tủy” (Chekhov). Độc giả khám phá tác phẩm là khám phá giá trị tư tưởng thông qua thế giới quan của tác giả, nhà văn lớn đồng thời là nhà tư tưởng lớn. Để rồi đi tận cùng với văn chương, ta chợt nhận ra khả năng giáo dục của văn chương lớn hơn bất cứ thuyết lý, giáo điều nào: “Mọi lí thuyết là màu xám, cây đời mãi xanh tươi” (Goethe)

- **Chức năng thẩm mỹ**

Karl Marx quan niệm: “Con người hoạt động theo quy luật của cái đẹp”, Paustovsky lại cho rằng: “Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp”. Văn học ra đời giúp thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ của con người; tiếp xúc với tác phẩm văn học, con người không chỉ nhận ra cái đẹp, mà còn biết khám phá cái đẹp; từ đó cảm xúc, thị hiếu thẩm mỹ của con người sẽ được bồi dưỡng, nâng cao. Dẫu vậy, hành trình ấy phải là sự bồi đắp và dần thân, nâng đỡ những giá trị đẹp đẽ, mang giá trị thẩm mỹ tập trung, cao độ của mỗi tác giả trong sáng tạo nghệ thuật. Và khi ấy, sáng tạo nghệ thuật cũng là hành trình thỏa mãn nhu cầu thưởng thức và nâng cao ở con người khả năng sáng tạo, hành động theo quy luật cái đẹp.

### 3. Đặc trưng của thơ

- **Tình cảm trong thơ**

- Có thể nói, **tình cảm là yếu tố sinh mệnh của thơ ca**, “thiếu tình cảm thì có thể trở thành người thợ làm những câu có vần chứ không làm được nhà thơ” (Jose Marti). Thơ ca là khởi phát từ tâm hồn người, đó là tiếng nói tình cảm, cảm xúc, là khúc hát của tâm hồn. Nếu như các tác phẩm tự sự thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả thông qua việc tái hiện một cách khách quan các hiện tượng đời sống với những tình huống, sự kiện, diễn biến; thì thơ ca – một thể loại tiêu biểu của loại hình trữ tình - lại hướng vào thể hiện thế giới nội tâm, hiện thực bên trong tâm hồn con người với những rung cảm tinh tế, sâu sắc trước cuộc sống. Những tình cảm trong thơ không phải là những cảm xúc nhàn nhạt, tầm thường. Thơ chỉ được làm nên từ những thứ tình cảm thiêng

liêng, cao quý, đáng trân trọng, được nhà thơ nuôi dưỡng và dựng xây trên những nền tảng vững chắc của tâm hồn

- Thơ không phải là một sự bộc lộ cảm xúc một cách bản năng, trực tiếp. **Cảm xúc trong thơ phải là thứ cảm xúc được ý thức**, được siêu thắng, được lắng lọc qua cảm xúc thẩm mỹ, gắn liền với sự tự ý thức của mình và cuộc đời. Nhà thơ không để cho cảm xúc của mình dù mạnh mẽ đến đâu chi phối toàn bộ, mà ý thức nhà thơ làm chủ tình cảm của mình bằng một tư tưởng.

- **Ngôn ngữ thơ**

- **Ngôn ngữ thơ giàu tính nhạc/họa:** Người xưa quan niệm “Thi trung hữu nhạc, thi trung hữu họa”. Thơ ca là sự hóa thân của tâm hồn vào trong cảnh vật, cái ngoại cảnh nhập hòa cùng tâm cảnh để rồi vang ngân những giá trị nơi tâm hồn của người nghệ sĩ. Nghệ thuật vận dụng ngôn từ trong thơ ca đồng thời góp phần khẳng định tài năng nghệ thuật của người nghệ sĩ. Bởi vậy, thơ ca giàu nhịp điệu, giàu tình tạo hình và tạo nên những ấn tượng trong tiếp nhận đồng thời bộc lộ vị thế của mỗi tác giả trên hành trình sáng tạo: lắng đọng, âm vang và đầy ám ảnh.
- **Ngôn ngữ thơ có độ dồn nén về ý tứ:** Thơ ca là tiếng nói của tâm hồn được gửi cả vào trong từng con chữ, thứ ngôn ngữ “lấp lánh, kêu giong và tỏa hương” mà mỗi thi nhân luôn kiếm tìm và mong cầu đạt được. Nói cách khác, ngôn ngữ là chất liệu biểu hiện tư tưởng trong thơ. Hơn nữa, ngôn ngữ thơ ca phải là chất liệu của cảm xúc, nó phải đạt đến độ tinh tuyền, độ nén cao của tâm trí để rồi bật ra những giá trị nghệ thuật cao độ. Bởi vậy, sáng tác thơ ca không chỉ là sự gửi gắm ý tưởng qua mặt chữ, mà cái sự tỏa sáng của ý tứ đằng sau mỗi từ.
- **Ngôn ngữ thơ có tính chính xác, đa nghĩa:** Vì thơ thường có dung lượng không nhiều nên từng chữ, từng từ được dùng phải đạt đến độ chính xác gần như tuyệt đối để đưa đến cho người đọc cảm nhận sát nhất với cảm nhận của tác giả về đối tượng được nhắc đến trong thơ. Ngôn từ thơ không phải là ngôn từ tuyến tính mà là ngôn từ phức hợp, đôi khi cùng một từ nhưng lại có thể diễn đạt theo nhiều ý nghĩa, nhiều hình ảnh khác nhau. Do đặc điểm này mà nhiều nhà thơ thường sử dụng nhiều phương thức nghệ thuật, làm mới ngôn ngữ truyền thống, tạo nên các sáng tạo nghệ thuật độc đáo.

#### 4. Đặc trưng của truyện ngắn

- **Dung lượng hạn chế:** Truyện ngắn phản ánh sự thật đời sống không quá rộng, truyện ngắn chỉ hướng tới một hiện tượng, một khoảnh khắc, một hoặc một vài biến cố tiêu biểu, điển hình giúp độc giả khám phá bản chất của hiện thực. Bởi thế, nhà văn Bùi Hiển quan niệm: “*Truyện ngắn lấy một khoảnh khắc trong cuộc đời một con người mà dựng lên*”. Truyện ngắn hạn định số lượng nhân vật, sự kiện, tình tiết một cách tối đa; nhưng đi sâu khai thác tối đa mối quan hệ mật thiết giữa các nhân vật, mỗi sự kiện đưa ra đều có thể trở thành bước ngoặt

của câu chuyện và mỗi chi tiết đều có khả năng ôm ấp và bao trùm ý đồ nghệ thuật của tác giả xuyên suốt tác phẩm

- **Sức dồn nén, khả năng phản ánh hiện thực rộng lớn:** Tuy ngắn nhưng truyện ngắn có sức chứa lớn, có khả năng phản ánh hiện thực rộng lớn, đó là một lát cắt của đời sống tuy nhiên không phải lát cắt cơ học mà là lát cắt trên thân cây cổ thụ mà qua đó ta thấy cả cuộc đời thảo mộc (Nguyễn Minh Châu). Truyện ngắn cô đọng, hàm súc, mượn cái ngắn nói cái dài, mượn cái chốc lát nói cái muôn đời, bởi nói như Lỗ Tấn, qua một mảnh lông mà biết toàn con báo, qua một con mắt mà truyền được cả tinh thần. Nói cách khác, truyện ngắn cần phải sở hữu một sinh lực tiềm tàng, một đòi hỏi phát triển và mở rộng, chất chứa bao nhiêu sự sống, bao nhiêu cuộc đời và cả tâm tư tưởng tác giả.
- **Vai trò của chi tiết trong truyện ngắn:** Truyện ngắn vì yêu cầu ngắn gọn về dung lượng, con chữ, câu văn, số dòng, nên nhà văn phải nương nhờ vào những chi tiết - những hạt bụi vàng mang sức chứa lớn lao và rộng mở: *Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm*. Nhà văn Nguyễn Ngọc từ kinh nghiệm sáng tác với bề dày và độ thâm sâu, nhận xét: “*Truyện ngắn cũng thể chẳng có cốt truyện gì cả nhưng truyện ngắn không thể nghèo chi tiết. Nó sẽ như nước lã.*” Nguyễn Công Hoan lại cho rằng: “*Truyện ngắn không phải là truyện mà là một vấn đề được xây dựng bằng chi tiết*”
- **Vai trò của tình huống truyện:** Nguyễn Minh Châu cho rằng: “*Tình huống truyện là một thức nước rửa ảnh, thông qua đó thể hiện rõ nét đặc điểm nhân vật*”. Những tình huống truyện đặc sắc là những tình huống có khả năng tạo sự hấp dẫn mời gọi người đọc khám phá, đồng thời là những tình huống có sức chứa lớn vừa thể hiện được nhân vật, vừa thể hiện được ý nghĩa trong tác phẩm như có người từng khẳng định “*Tình huống truyện như bàn tay siết chặt thành nắm đấm và có sức công phá.*”. Những nhà văn có tài đều là những người có tài tạo ra những tình thế xảy ra truyện vừa rất cá biệt vừa mang tính phổ biến hoặc tượng trưng. Đó là những người cầm bút có biệt tài có thể chọn ra trong cái dòng đời xuôi chảy một khoảnh khắc thời gian mà ở đó cuộc sống đậm đặc nhất, chứa đựng nhiều ý nghĩa nhất.

## 5. Nhà văn và quá trình sáng tạo

- **Vai trò của nhà văn:** Nhà văn là khởi đầu cho nhiều hoạt động văn chương, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống văn chương. Không có nhà văn thì không thể có đời sống văn học. Bắt nguồn từ đặc trưng của quá trình sáng tạo nghệ thuật: đó là lĩnh vực sản xuất tinh thần mang tính cá thể hóa cao độ, không thể sáng tạo tác phẩm văn học theo kiểu dây chuyền của các ngành công nghệ. Mặt khác, bản chất của lao động nghệ thuật là lao động sáng tạo, người nghệ sĩ là người kỹ sư tâm hồn. Theo đó, nghệ thuật luôn đòi hỏi nhà văn sáng tạo nên những tác phẩm mới mẻ cả về nội dung và hình thức. Tác phẩm của họ

phải có phẩm chất văn học: thế giới nghệ thuật riêng biệt, độc đáo, không trộn lẫn, thể hiện cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ

- **Các phẩm chất cần có của nhà văn**

- **Bản chất giàu cảm xúc:** “Nhà triết học nói bằng phép tam đoạn luận, nhà thơ nói bằng các hình tượng và bức tranh” (Belinski). Nhà văn suy ngẫm các vấn đề của hiện thực thông qua các hình tượng tồn tại trong các mối quan hệ xã hội. Phẩm chất đầu tiên dễ thấy ở các nhà văn lớn là một trực giác nhạy bén và một tâm hồn giàu cảm xúc. Nhà văn phải sống hết mình với cuộc đời, phải biết xúc động trước những niềm vui và nỗi đau của con người, đồng thời phải biết làm những cảm xúc lây lan đến con người bằng các hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học: “*Thế giới nứt làm đôi. Vết nứt xuyên qua con tim nhà thơ.*” (Heinrich Heine)
- **Khả năng quan sát tinh tế, rộng rãi (Trực giác nhạy cảm, nhạy bén):** Nhà văn đến với công việc sáng tác còn bằng khả năng quan sát tin tưởng. Cuộc sống vốn phong phú phức tạp với cái thiện - cái ác, cái đẹp - cái xấu thường được biểu hiện hết sự phong phú, phức tạp, không tự bộc lộ rõ ràng. Nhà văn cần có con mắt tinh tường để cảm nhận tinh tế, chính xác cái thần, cái hồn của hiện tượng. Nhiều khi những ấn tượng tức thời về sự vật, hiện tượng lại giúp nhà văn sáng tạo được những hình tượng đẹp đẽ, kỳ lạ, vượt ra khỏi mọi khuôn khổ mọi sự cắt nghĩa, lý giải của các ngành khoa học
- **Khả năng liên tưởng, tưởng tượng phong phú độc đáo:** Nghệ thuật biểu hiện chiều sâu trong tâm lý nhân vật, không thể bộc lộ hết bằng các loại hình khác. Văn chương khơi sâu tiềm vũ trụ trong thế giới nội tâm con người. “*Văn học là nhân học, là ái học, là tâm hồn học*” (Maxim Gorky). Nhà văn phải có trí tưởng tượng phong phú để nhập thân hóa thân vào nhân vật đối tượng mình phản ánh
- **Tư tưởng, quan điểm nghệ thuật sâu sắc, tiến bộ:** Nhà văn phải có tư tưởng, có quan điểm nghệ thuật sâu sắc, có cá tính và cách nhìn độc đáo trước các vấn đề của đời sống. Nhà văn phải có lập trường, có tư tưởng tiến bộ, có mục đích sáng tạo chân chính. Chekhov quan niệm: “*Nhà văn là những nhân đạo tử trong cốt tủy*”, hay với Belinsky: “*Nhà thơ đặc biệt là những nhà thơ vĩ đại, đồng thời phải là nhà tư tưởng của thời đại*”. Hiện thực cuộc sống không ngừng đổi thay, nhà văn phải nhạy bén về tư tưởng, tình cảm mới phát hiện được chính xác quá trình ấy. Nhà văn tài năng phải là nhà tư tưởng của chính thời đại mình

## 6. Phong cách nghệ thuật nhà văn/Sự sáng tạo trong văn học

“Văn học là lĩnh vực của cái độc đáo”, là lĩnh vực tinh thần tối kỳ sự nhàm chán, lặp lại, không cho phép cái thuần đơn, bình thường, không dung nạp cái thanh an và bất biến. Nói cách khác, sáng tạo là quy luật đặc thù, là điều kiện tiên quyết của văn học. Bởi thế, nếu không có cho mình nét phong cách độc đáo, nhà văn phải đổi



mặt với “cái chết của nghệ thuật” (V. Hugo), bởi “Văn chương cần có sự độc đáo hơn trong bất kì lĩnh vực nào” (Nguyễn Tuân). Người nghệ sĩ đến với văn chương không nhằm sao chép hoàn toàn hiện thực, không chuyên chú phản ánh đời sống như nó vốn có. Một mặt, nhà văn mong muốn ghi dấu bản thân qua mỗi trang văn, bộc lộ cá tính, những suy tư, khám phá về cuộc sống trong mối quan hệ với kẻ khác, và với chính mình. Mặt khác, quy luật đào thải khắc nghiệt quả văn chương buộc mỗi nghệ sĩ bước lên văn đàn cần bộc lộ trọn vẹn dấu ấn riêng mình. Bởi thế, “đi tìm cái mới” là nhu cầu tự thân, cũng là yêu cầu văn học đặt ra cho người nghệ sĩ. Hơn nữa, nhà văn ý thức cao độ về trách nhiệm và sứ mệnh của bản thân trong sáng tạo nghệ thuật sẽ không bằng lòng với những lối mòn sáo rỗng, cũ kĩ, không “quần quanh mãi vẫn vại ba đáng điệu”, hiện thực qua lăng kính của nhà văn luôn phải tươi mới, không trùng lặp, không lặp lại chính mình và người khác. Khi ấy, sứ mệnh đi tìm cái mới mới được thực hiện hóa.

### 7. Tiếp nhận văn học

Nhà văn Bùi Hiển khẳng định: *“Ở nước nào cũng thế thôi, sự cảm thông, sẻ chia giữa người đọc và người viết là trên hết”*. Vị trí, vai trò và mối quan hệ của người đọc (người tiếp nhận) với đời sống văn học là vấn đề trung tâm của lý thuyết tiếp nhận văn học. Là kết quả lao động của nhà văn, tác phẩm văn học là một chỉnh thể như một cấu trúc thẩm mĩ với một kiểu tổ chức độc đáo, bao gồm các yếu tố thuộc về tư tưởng, thể giới hình tượng, thể loại ngôn từ. Tuy nhiên, ý nghĩa tư tưởng, giá trị nghệ thuật của nó không phải điều nhất thành bất biến mà luôn biến đổi trong quá trình tiếp nhận qua những cuộc đối thoại của các thế hệ độc giả với tác giả qua tác phẩm. Bởi thế, Kim Thánh Hân quan niệm: *“Văn hay trên đời là của quý chung của mọi người ở muôn nơi, quyết không phải tập văn riêng của một mình tác giả”*. Khi xưa đại thi hào Nguyễn Du khi gửi gắm tâm sự khắc khoải đến nao lòng vào những câu thơ:

*“Bất tri tam bách dư niên hậu,  
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?”  
(Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa  
Người đời ai khóc Tố Như chăng?)*

thì phải chăng đã quan tâm đến sự tiếp nhận của người đọc đối với tác phẩm của mình.